

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2018/DS-PT
Ngày 10 - 11 - 2018
V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi
chung, bồi thường thiệt hại lợi ích
kinh tế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm;

Bà Chu Lệ Hường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Huyền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Trương Nhật Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLPT-DS ngày 09
tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi chung, đòi bồi thường
thiệt hại lợi ích kinh tế” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Chu Tiểu B; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh
Lạng Sơn.

- *Bị đơn:* Ông Chu Văn H (tên gọi khác Chu Văn H1); cư trú tại: Thôn N,
xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lương Văn C trợ
giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên
đơn:*

1. Bà Chu Thị C1, cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
2. Bà Chu Thị B1; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
3. Anh Chu Trương V; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
4. Anh Chu Trương N; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Đàm Thị T; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên nguyên đơn (bà Chu Thị C1, anh Chu Trương N, anh Chu Trương V, chị Đàm Thị T): Ông Chu Tiểu B; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn:

1. Bà Hoàng Thị H2; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
2. Chị Chu Thị N1 T1; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
3. Ông Chu Văn H3; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên bị đơn (chị Chu Thị N1 T1, anh Chu Văn H3): Ông Chu Văn H; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2018).

- Người làm chứng:

1. Ông Chu Văn K; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, Tỉnh Lạng Sơn.
2. Bà Hoàng Thị B2; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
3. Ông Vy Văn T2; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
4. Bà Chu Thị N1; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
5. Bà Chu Thị T3; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, Tỉnh Lạng Sơn.

- Người kháng cáo: Ông Chu Văn H (tên gọi khác Chu Văn H1) là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Chu Tiểu B có thửa ruộng diện tích 01 sào 06 thước kéo dài qua dưới sân nhà Chu Văn H có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng với ông Chu Văn K người cùng thôn từ năm 2003, sau khi nhận chuyển nhượng hàng năm thường xuyên canh tác quản lý liên tục, đến năm 2006 gia đình ông và ông H trao đổi thỏa thuận cắt một phần thửa ruộng dưới nhà ông H để đổi lấy lối đi qua đất ruộng nhà ông H ra đường tỉnh lộ, sau khi thỏa thuận có lối đi chung thì gia đình ông xây dựng nhà ở trên thửa đất này và sử dụng lối đi chung từ năm 2006 đến nay. Năm 2008 gia đình ông mua xi măng về đổ bê tông đường từ nhà xuống đến đường cái đoạn đường có chiều dài 22,5m, rộng 1,6m, tổng diện tích mặt đường là 36m², diện tích đất lối đi chung này thuộc thửa số 561 tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã C, huyện V không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, ngày 18/11/2017 gia đình ông Chu Văn H thuê máy ủi ủi hết đường bê tông và lấy gạch bê tông xây tường rào chặn hai đầu lối đi, gia đình ông không còn lối đi nào khác, việc đi lại hằng ngày phải đi nhờ lối qua ruộng của người khác. Nay ông yêu cầu ông Chu Văn H phải tháo dỡ tường rào xây chặn, mở lại lối đi chung cho gia đình ông và yêu cầu ông Chu Văn H phải bồi thường

thiệt hại tổn thất về lợi ích kinh tế và tinh thần cho gia đình ông với số tiền 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng chẵn*).

Tại đơn trình bày ngày 02/5/2018 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Chu Văn H trình bày: Diện tích đất lối đi đang tranh chấp với ông Chu Tiểu B tại Thôn N, xã C, huyện V có nguồn gốc ông nhận chuyển nhượng ruộng diện tích 175m² với bà Hoàng Thị B2 ở thôn Đ, xã C, huyện V từ năm 2000, năm 2001 nhận chuyển nhượng nửa thửa ruộng liền kề khoảng 100m² với ông Hoàng Dòng S ở thôn Đ, xã C, huyện V và từ đó đến nay gia đình ông thường xuyên canh tác sử dụng, năm 2006 gia đình ông mua vật liệu đá, xi măng về làm đường bê tông đi lại và lúc đó gia đình ông Chu Tiểu B có hỏi ông để đi nhờ lối đi, khi nào cần thì ông Chu Tiểu B không được đi lối đi này nữa, không có sự thỏa thuận trao đổi đất để lấy đường đi lại, mà ông và ông Chu Tiểu B chỉ được thỏa thuận đổi 01 phần ruộng để ông Bình làm nhà ở, việc trao đổi thuận không làm giấy tờ. Đến tháng 10/2017 gia đình ông thuê máy xúc san xuống làm nền nhà và đã xây tường rào khép kín, không cho gia đình ông Bình đi lại qua đường này nữa. Nay ông yêu cầu tiếp tục được quản lý sử dụng diện tích đất lối đi, không nhất trí mở lại lối đi cho ông Bình và ông không nhất trí bồi thường như ông Bình yêu cầu.

Ngày 11/5/2018 ông làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông Chu Tiểu B phải bồi thường thiệt hại phí đi lại theo hình thức BOT, tính từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 10/2017 là 11 năm 01 tháng, với tổng số tiền là 99.750.000đ.

Chứng cứ ông Chu Tiểu B cung cấp cho Tòa án bao gồm: Giấy chuyển nhượng ruộng viết tay giữa ông Chu Tiểu B và ông Chu Văn K ngày 20/7/2003; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Chu Trương H4, Chu Thị B1; giấy xác nhận người làm chứng ông Chu Văn K; giấy xác nhận người làm chứng ông Vy Văn T2; giấy xác nhận người làm chứng bà Chu Thị N1; giấy xác nhận người làm chứng bà Chu Thị T3.

Chứng cứ do ông Chu Văn H cung cấp cho Tòa án gồm: Giấy chuyển nhượng ruộng đất viết tay giữa ông Chu Văn H và bà Hoàng Thị B2 ngày 25/11/2000; Giấy chuyển nhượng ruộng đất viết tay giữa ông Chu Văn H và ông Hoàng Dòng Sông ngày 19/01/2001; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Chu Văn H, bà Hoàng Thị Hoàn; giấy xác nhận người làm chứng bà Hoàng Thị B2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn bà Chu Thị C1, Chu Thị B1, Chu Trương V, Chu Trương N, Đàm Thị T: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Tiểu B, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn bà Hoàng Thị H2, chị Chu Thị N1 T1 và anh Chu Văn H3 đồng ý với ý kiến của ông Chu Văn H,

không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Tiểu B.

Người làm chứng do nguyên đơn yêu cầu Tòa án đưa vào tham gia tố tụng: ông Chu Văn K, anh Vy Văn T2, chị Chu Thị N1, chị Chu Thị T3 xác định: Diện tích đất đường đi hiện đang tranh chấp đã được hình thành từ năm 2006 và gia đình ông Chu Tiểu B đã sử dụng con đường này cho đến nay không có gì thay đổi, ngoài con đường đang tranh chấp này không có đường nào khác.

Người làm chứng do bị đơn yêu cầu Tòa án đưa vào tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị B2 xác định: Diện tích đất đường đi hiện đang tranh chấp giữa ông Chu Tiểu B và ông Chu Văn H (Chu Văn H1), nguồn gốc là do gia đình bà chuyển nhượng lại ruộng cho ông Chu Văn H (Chu Văn H1), từ năm 2000 và từ đó gia đình ông H quản lý, sử dụng đến nay.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2018 do Tòa án tiến hành theo đơn yêu cầu của nguyên đơn ông Chu Tiểu B và bị đơn ông Chu Văn H (Chu Văn H1), xác định diện tích đất tranh chấp là 36m², thửa số 561, tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã Chu Túc đo vẽ năm 2008, đất tranh chấp được xác định theo hiện trạng là đất giao thông, có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1), có cạnh dài 1,59;
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 239 có cạnh dài 2,07m;
- Phía Đông tiếp giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1), có cạnh dài 21,4m;
- Phía Tây giáp đất nhà ông Chu Tiểu B, đất nhà Chu Thị Phình, đất nhà Long Văn H5 có cạnh dài 21,11m.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2003; Điều 254; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166; Điều 271, khoản 1 Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 217; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Tiểu B: Công nhận diện tích đất 36m², thửa số 561, thuộc tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã C, huyện V là đường đi chung.

Diện tích đất lối đi chung tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1), có cạnh dài 1,59;
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 239 có cạnh dài 2,07m;
- Phía Đông tiếp giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1), có cạnh dài

21,4m;

- Phía Tây giáp đất nhà ông Chu Tiểu B, đất nhà Chu Thị Phình, đất nhà Long Văn H5 có cạnh dài 21,11m.

(Có sơ họa kèm theo).

- Buộc ông Chu Văn H phải tháo dỡ hai đoạn tường rào và hàng rào mắt cáo xây chặn hai đầu lối đi chung, cụ thể:

Đoạn 1: Cạnh giáp đường tỉnh lộ 239 là 1,6m.

Đoạn 2: Trong vườn giáp sân nhà ông Chu Tiểu B là 2,7m. Tổng diện tích cả hai đoạn là 4,2m và phần hàng rào mắt cáo trên phần tường rào mới xây.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Tiểu B buộc ông Chu Văn H (Chu Văn H1), phải bồi thường thanh toán chi phí vật liệu xây dựng để khôi phục lại nền đường bê tông là 5.200.000đ và thiệt hại kinh tế 28.000.000đ, tổng số tiền 33.200.000đ *(Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)*, vì không có căn cứ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Buộc ông Chu Văn H (Chu Văn H1), phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.300.000đ *(Ba triệu ba trăm nghìn đồng)*, xác nhận ông Chu Văn H (Chu Văn H1), đã nộp tạm ứng trước 3.000.000đ, ông Chu Văn H (Chu Văn H1), còn phải nộp tiếp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* để hoàn trả cho ông Chu Tiểu B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Chu Văn H (Chu Văn H1), yêu cầu Chu Tiểu B bồi thường phí giao thông 99.970.000đ *(Chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)*.

5. Về án phí: Buộc ông Chu Văn H (Chu Văn H1), phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ ông Chu Văn H đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/03728 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan.

- Trả lại ông Chu Văn H (Chu Văn H1), 2.200.000đ *(Hai triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Ông Chu Tiểu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.660.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2012/03722 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, ông Chu Tiểu B còn phải nộp tiếp 1.360.000đ *(Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)* để sung quỹ Nhà nước.

Và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn kháng cáo ngày 10/9/2018, bị đơn ông Chu Văn H (Chu Văn H1) kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xem xét lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Chu Văn H (Chu Văn H1) và ông Chu Tiểu B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Công nhận diện tích đất 36m², thửa số 561, thuộc tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã C, huyện V là đường đi chung.

Diện tích đất lối đi chung tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1) có cạnh dài 1,59;
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 239 có cạnh dài 2,07m;
- Phía Đông tiếp giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1) có cạnh dài 21,4m;
- Phía Tây giáp đất nhà ông Chu Tiểu B, đất nhà Chu Thị Phình, đất nhà Long Văn H5 có cạnh dài 21,11m.

(Có sơ họa kèm theo).

Ông Chu Tiểu B thanh toán cho ông Chu Văn H (Chu Văn H1) số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn).

Chi phí tố tụng các bên tự chịu: Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) tự chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Chu Tiểu B tự chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) các ông đã nộp chi phí nay không phải nộp tiếp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lương Văn C trình bày: Nhất trí với thỏa thuận các bên đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của người kháng cáo: Ông Chu Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn luật định, do đó, kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Công nhận diện tích đất 36m², thửa số 561, thuộc tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã C, huyện V là đường đi chung, chi phí tố tụng các bên tự chịu, là không trái pháp luật, đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi người khác. nhất trí và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án:

[2] Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) và ông Chu Tiểu B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Công nhận diện tích đất 36m², thửa số 561, thuộc tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã C, huyện V là đường đi chung.

[3] Diện tích đất đường đi chung có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1) có cạnh dài 1,59; Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 239 có cạnh dài 2,07m; Phía Đông tiếp giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1) có cạnh dài 21,4m; Phía Tây giáp đất nhà ông Chu Tiểu B, đất nhà Chu Thị Phình, đất nhà Long Văn H5 có cạnh dài 21,11m.

[4] Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) tự tháo dỡ hai đoạn tường rào và hàng rào mắt cáo xây chặn hai đầu lối đi chung, cụ thể: Đoạn 1: Cạnh giáp đường tỉnh lộ 239 là 1,6m. Đoạn 2: Trong vườn giáp sân nhà ông Chu Tiểu B là 2,7m. Tổng diện tích cả hai đoạn là 4,2m và phần hàng rào mắt cáo trên phần tường rào mới xây. *(Có sơ họa kèm theo).*

[5] Ông Chu Tiểu B thanh toán cho ông Chu Văn H (Chu Văn H1) số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn).

[6] Chi phí tố tụng các bên tự chịu: Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) tự chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Chu Tiểu B tự chịu 300.000đồng (Ba triệu đồng) các ông đã nộp chi phí nay không phải nộp tiếp.

[7] Thấy rằng, việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác, do đó cần được chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Việc sửa án sơ thẩm là do có tình tiết mới, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) ông Chu Tiểu B là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại số tiền mà ông H (Hùng) đã nộp là: 2.500.000 đồng tại biên lai số AA/2012/03728 ngày 14/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, ông Chu Tiểu B đã nộp là: 300.000 đồng tại biên lai số AA/2012/03722 ngày 20/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 157; Điều 165; Điều 300; Khoản 2 Điều 308 của bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự; , Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án số 03/2018/DS-ST ngày 28-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Chu Văn H (Chu Văn H1) và ông Chu Tiểu B: Công nhận diện tích đất 36m², thửa số 561, thuộc tờ bản đồ số 51 bản đồ địa chính xã C, huyện V là đường đi chung.

Diện tích đất đường đi chung các bên thỏa thuận có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1) có cạnh dài 1,59;
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 239 có cạnh dài 2,07m;
- Phía Đông tiếp giáp đất nhà ông Chu Văn H (Chu Văn H1) có cạnh dài 21,4m;
- Phía Tây giáp đất nhà ông Chu Tiểu B, đất nhà Chu Thị Phình, đất nhà Long Văn H5 có cạnh dài 21,11m.

(Có sơ họa kèm theo).

- Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) tự tháo dỡ hai đoạn tường rào và hàng rào mắt cáo xây chặn hai đầu lối đi chung, cụ thể:

Đoạn 1: Cạnh giáp đường tỉnh lộ 239 là 1,6m.

Đoạn 2: Trong vườn giáp sân nhà ông Chu Tiểu B là 2,7m. Tổng diện tích cả hai đoạn là 4,2m và phần hàng rào mắt cáo trên phần tường rào mới xây.

2. Ông Chu Tiểu B thanh toán cho ông Chu Văn H (Chu Văn H1) số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) tự chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, xác nhận ông Chu Văn H (Chu Văn H1) đã nộp tạm ứng trước 3.000.000đ. Ông Chu Tiểu B tự chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* Ông Chu Văn H (Chu Văn H1), Chu Tiểu B đã nộp xong.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Chu Văn H (Chu Văn H1) yêu cầu Chu Tiểu B bồi thường phí giao thông 99.970.000đ *(Chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)*.

5. Về án phí: Ông Chu Văn H (Chu Văn H1) Chu Tiểu B không phải chịu. Trả lại số tiền 2.500.000đồng cho ông Chu Văn H (Chu Văn H1) đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/03728 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng cho ông Chu Văn H (Chu Văn H1) mà ông đã nộp tại biên lai số AA/2012/03855 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Trả lại cho ông Chu Tiểu B số tiền là 300.000đ, mà ông Bình nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2012/03722 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h Văn Quan, t Lạng Sơn;
- Chi cục THADS. H. Văn Quan. T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. Tòa DS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lộc Sơn Thái

